

Số: 2517/KL-STC

Ninh Thuận, ngày 18 tháng 9 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra các nguồn kinh phí ngân sách, nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và thu khác tại Bệnh viện Y dược cổ truyền năm 2017, 2018.

Thực hiện Quyết định số 48/QĐ-STC ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí ngân sách, nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và thu khác tại Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Ninh Thuận năm 2017, 2018 (sau đây viết tắt là bệnh viện).

Xét Báo cáo số 69A/BC-TTr ngày 30/8/2019 của Đoàn thanh tra về việc Báo cáo kết quả thanh tra các nguồn kinh phí ngân sách, nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và thu khác tại Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh năm 2017, 2018 và văn bản giải trình số 502/BVYDCT-TCKT ngày 04/9/2019 của Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Ninh Thuận.

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG:

1. Tổng quan về Bệnh viện

Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh được thành lập theo Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 30/01/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận trên cơ sở sáp nhập Khoa Y dược cổ truyền của Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm châm cứu đông y thuộc Hội Đông y tỉnh Ninh Thuận, trực thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận;

Ngày 21/4/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 101/QĐ-UBND về việc tổ chức lại Bệnh viện y dược cổ truyền trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện phục hồi chức năng vào Bệnh viện y dược cổ truyền.

Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Ninh Thuận có chức năng khám, chữa bệnh đa khoa, phục hồi chức năng kết hợp y dược cổ truyền với y học hiện đại; chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp toàn diện của Giám đốc Sở Y tế, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Y tế;

Bệnh viện là đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc nhóm 3 do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động theo quy định tại điểm c Điều 3 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP của Chính phủ, được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính giai đoạn 2015-2017 đối với đơn vị sự nghiệp công lập tại Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao quyền tự

chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2015-2017 và năm 2018 theo Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế;

Bệnh viện được xếp hạng là bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh hạng III thời hạn 5 năm kể từ 01/9/2012 đến ngày 01/9/2017 theo Quyết định số 1914/QĐ-SYT ngày 17/8/2012 và 5 năm tới kể từ ngày 15/8/2018 theo Quyết định số 2807/QĐ-SYT ngày 16/8/2018 của Giám đốc Sở Y tế;

Bệnh viện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; được mở tài khoản theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động giao dịch; có trụ sở tại số 05 đường Lê Hồng Phong, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Cơ cấu tổ chức, biên chế:

Về tổ chức: Lãnh đạo Bệnh viện gồm có Giám đốc và 01 Phó giám đốc; 6 phòng chức năng và 08 chuyên khoa thực hiện chức năng khám bệnh, chữa bệnh, điều trị bệnh nhân nội trú, ngoại trú.

Nhân sự: Biên chế được giao năm 2017 là 105 người, 2018 là 104 người (Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp, hợp đồng đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2017, 2018).

3. Chính sách kế toán, tài chính.

- Bệnh viện thực hiện chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 85/2012/NĐ-CP về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

- Chế độ kế toán, báo cáo tài chính, đơn vị thực hiện theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 và Thông tư số 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Công tác quản lý tài chính, kế toán: bộ phận quản lý tài chính của Bệnh viện gồm 07 người (06 kế toán, thủ quỹ).

- Nguồn thu của Bệnh viện bao gồm: Nguồn kinh phí ngân sách, thu dịch vụ khám chữa bệnh và thu khác.

- Văn bản áp dụng:

+ Đối với thu viện phí: Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015, Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018; Quyết định số 137/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 và một số văn bản khác của Bộ Y tế có liên quan;

+ Chi con người: Thực hiện các văn bản theo quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi, phụ cấp độc hại... (Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống

dịch; Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại...)

+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị: Thực hiện theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ duy trì hoạt động tự chủ đối với CQNN, đơn vị SNCL và một số văn bản khác quy định về đấu thầu mua sắm tài sản.

- Năm tài chính của Bệnh viện áp dụng theo năm dương lịch, bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH:

I. Kết quả kiểm tra số liệu quyết toán tại Bệnh viện

1. Nguồn kinh phí ngân sách: (theo báo cáo tài chính của đơn vị):

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2017	Năm 2018
I	Kết dư ngân sách năm trước	162.275.000	290.699.000
1	Kinh phí tự chủ (TK 10% CCTL)	47.660.000	166.084.000
2	Kinh phí không tự chủ (TK 10% CCTL)	114.615.000	124.615.000
II	Ngân sách cấp trong năm	3.971.618.513	4.045.640.303
1	Kinh phí tự chủ	2.894.318.513	946.040.303
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>2.775.894.513</i>	<i>946.040.303</i>
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	<i>118.424.000</i>	-
2	Kinh phí không tự chủ	1.077.300.000	3.099.600.000
	<i>Kinh phí đặc thù</i>	<i>90.000.000</i>	<i>630.000.000</i>
	<i>Tiết kiệm 10% CCTL</i>	<i>10.000.000</i>	<i>310.000.000</i>
	<i>Mua sắm trang thiết bị y tế</i>	<i>977.100.000</i>	<i>2.159.000.000</i>
	<i>Mua quà tặng cho bệnh nhân nội trú</i>	<i>200.000</i>	<i>600.000</i>
III	Số sử dụng đề nghị quyết toán	3.843.193.513	3.692.753.803
1	Kinh phí tự chủ	2.775.894.513	946.040.303
	<i>Chi hoạt động thường xuyên</i>	<i>2.775.894.513</i>	<i>946.040.303</i>
2	Kinh phí không tự chủ	1.067.299.000	2.746.713.500

	<i>Chi từ nguồn kinh phí đặc thù</i>	89.999.000	587.113.500
	<i>Chi mua sắm trang thiết bị y tế</i>	977.100.000	2.159.000.000
	<i>Chi thăm tặng quà cho bệnh nhân</i>	200.000	600.000
IV	Số còn lại cuối năm	290.700.000	643.585.500
1	Kinh phí tự chủ (<i>tiết kiệm 10 % CCTL</i>)	166.084.000	166.084.000
2	Kinh phí không tự chủ	124.616.000	477.501.500
	<i>Kinh phí đặc thù</i>	1.000	42.886.500
	<i>Tiết kiệm 10 % cải cách tiền lương</i>	124.615.000	434.615.000

2. Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
I	Kế hoạch giường bệnh (giường)	110	100
II	Giao dự toán thu (kể cả giao bổ sung)	24.976.270.000	30.000.000.000
	Chi phí thuốc, VTYT, CP trực tiếp	19.833.944.000	21.240.000.000
	Trích 35% CCTL	469.814.000	231.000.000
	Bổ sung kinh phí hoạt động	4.672.512.000	8.529.000.000
III	Tổng thu trong năm	26.502.727.240	29.493.839.705
	Từ nguồn dịch vụ KCB	26.385.189.945	29.493.839.705
	Bệnh viện PHCN chuyển sang	117.537.295	-
IV	Tổng chi trong năm	19.557.832.145	25.583.807.950
1	Chi mua thuốc, vật tư YT, CP trực tiếp	18.042.175.793	23.415.273.987
2	Chi trực, phẫu thuật, thủ thuật	180.443.500	201.042.500
3	Chi hoạt động	1.335.212.852	1.967.491.463
V	Số còn lại	6.944.895.095	3.910.031.755
1	Trích lập nguồn cải cách tiền lương	2.856.899.728	1.959.992.288
2	Số còn lại được phân phối trong năm	4.087.995.367	1.950.039.467
<i>a</i>	<i>Chi thu nhập tăng thêm</i>	<i>3.767.232.239</i>	<i>-</i>
<i>b</i>	<i>Trích lập quỹ</i>	<i>320.763.128</i>	<i>1.950.039.467</i>

3. Nguồn thu khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
I	Tổng thu trong năm	55.856.971	52.000.210
1	Thu bán hồ sơ mời thầu	7.000.000	6.000.000
2	Thu giữ xe	43.964.000	45.634.000
3	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	392.971	366.210
4	Thu tiền xét tuyển viên chức	4.500.000	-
II	Tổng chi trong năm	45.111.251	36.746.610
1	Chi công tác đấu thầu	7.000.000	6.000.000
2	Chi hoạt động giữ xe	33.218.280	30.380.400
3	Chi hoạt động tài chính	392.971	366.210
4	Chi xét tuyển viên chức	4.500.000	-
III	Số còn lại	10.745.720	15.253.600
1	Trích lập nguồn cải cách tiền lương	3.761.002	5.338.760
2	Số còn lại để trích lập quỹ	6.984.718	9.914.840

4. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
1	Năm trước chuyển sang	2.102.120.574	5.125.450.768
<i>a</i>	<i>Từ nguồn ngân sách nhà nước</i>	<i>162.275.000</i>	<i>290.699.000</i>
<i>b</i>	<i>Từ nguồn khám chữa bệnh (35%)</i>	<i>1.939.845.574</i>	<i>4.834.751.768</i>
2	Số trích lập trong năm	3.541.207.246	2.275.331.048
<i>a</i>	<i>Từ nguồn NSNN</i>	<i>128.424.000</i>	<i>310.000.000</i>
<i>b</i>	<i>Từ nguồn KCB, bao gồm nguồn từ BVPHCN chuyển sang 552.122.516 đồng (năm 2017)</i>	<i>3.409.022.244</i>	<i>1.959.992.288</i>
<i>c</i>	<i>Từ nguồn thu khác (35%)</i>	<i>3.761.002</i>	<i>5.338.760</i>
3	Số sử dụng trong năm	517.877.052	227.389.538
<i>a</i>	<i>Từ nguồn khám chữa bệnh</i>	<i>514.116.050</i>	<i>222.050.778</i>
<i>b</i>	<i>Từ nguồn thu khác</i>	<i>3.761.002</i>	<i>5.338.760</i>
4	Số còn lại cuối năm	5.125.450.768	7.173.392.278
<i>a</i>	<i>Từ nguồn ngân sách nhà nước</i>	<i>290.699.000</i>	<i>600.699.000</i>
<i>b</i>	<i>Từ nguồn khám chữa bệnh</i>	<i>4.834.751.768</i>	<i>6.572.693.278</i>

5. Trích lập và sử dụng các quỹ từ nguồn thu KCB và thu khác

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2017	Năm 2018
1	Quỹ hoạt động sự nghiệp		
a	Số năm trước chuyển sang	103.684.359	254.950.754
b	Số trích lập trong năm (2017: BVPHCN chuyển sang 100.249.434 đ)	182.186.395	195.995.431
c	Số sử dụng trong năm	30.920.000	67.940.000
d	Số còn lại cuối năm	254.950.754	383.006.185
2	Quỹ khen thưởng		
a	Số năm trước chuyển sang	46.801.743	70.052.288
b	Số trích lập trong năm (2017: BVPHCN chuyển sang 10.767.760 đ)	43.542.545	97.997.215
c	Số sử dụng trong năm	20.292.000	90.770.000
d	Số còn lại cuối năm	70.052.288	77.279.503
3	Quỹ phúc lợi		
a	Số năm trước chuyển sang	274.126.087	200.004.388
b	Số trích lập trong năm (2017: BVPHCN chuyển sang 574.986 đ)	180.836.301	274.393.603
c	Số sử dụng trong năm	254.958.000	153.904.320
d	Số còn lại cuối năm	200.004.388	320.493.671
4	Quỹ ổn định thu nhập		
a	Số năm trước chuyển sang	76.521.743	331.279.421
b	Số trích lập trong năm (2017: BVPHCN chuyển sang 221.982.893 đ)	254.757.678	1.371.968.015
c	Số sử dụng trong năm	-	1.697.174.769
d	Số còn lại cuối năm	331.279.421	6.072.667
5	Quỹ hỗ trợ KCB, quỹ khác		
a	Số năm trước chuyển sang	-	-
b	Số trích lập trong năm	-	19.600.043
c	Số sử dụng trong năm	-	-
d	Số còn lại cuối năm	-	19.600.043

6. Tình hình mua sắm tài sản, trang thiết bị, xây dựng cơ bản từ nguồn kinh phí ngân sách

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
1	Kinh phí cấp trong năm	5.027.100.000	2.359.000.000

a	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	977.100.000	2.159.000.000
b	Đền bù GPMB xây dựng BV mới	4.000.000.000	-
c	Chi phí lập hồ sơ, khảo sát xây dựng	50.000.000	200.000.000
2	Số đã sử dụng trong năm	5.027.100.000	2.359.000.000
a	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	977.100.000	2.159.000.000
b	Đền bù GPMB xây dựng BV mới	4.000.000.000	200.000.000
c	Chi phí lập hồ sơ, khảo sát xây dựng	50.000.000	-
3	Số còn lại	-	-

II. Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại bệnh viện

1. Về chấp hành chế độ tài chính

a) Đối với việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính:

- Về xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: Bệnh viện có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm và thực hiện tương đối tốt quy chế đã xây dựng; một số nội dung chưa quy định cụ thể trong quy chế như chế độ khoán công tác phí, chưa định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe đi công tác, định mức sử dụng vật tư văn phòng phẩm. Đối với khoản chi hội nghị, theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND thì mức chi giải khát giữa giờ là 15.000 đ/buổi/người nhưng bệnh viện xây dựng mức chi 50.000đ/người/hội nghị là không có cơ sở.

- Trong năm 2018, đơn vị đã chi 02 buổi hội nghị CNVC năm 2017, 2018 số tiền 10.050.000 đồng (201 người*50.000đ/người) và hạch toán vào quỹ phúc lợi; như vậy số tiền bệnh viện chi vượt định mức là 7.035.000 đồng (201 người*35.000 đ/người).

- Bệnh viện thực hiện việc công khai tài chính đầy đủ, đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

b) Đối với nguồn kinh phí ngân sách cấp:

- Năm 2018, căn cứ vào 2 kế hoạch số 1365/KH-SYT và 2177/KH-SYT của Sở Y tế, bệnh viện được giao thực hiện triển khai công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và triển khai phần mềm hệ thống thông tin quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật, tổng kinh phí 630 triệu đồng.

- Đối với việc triển khai phần mềm hệ thống thông tin quản lý quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật năm 2018:

Thực hiện Kế hoạch số 1365/KH-SYT ngày 02/5/2018 của Sở Y tế, bệnh viện xây dựng kế hoạch số 253/KH-BVYDCT ngày 07/5/2018 để triển khai. Theo kế hoạch thì đối tượng được tập huấn sử dụng phần mềm là cán bộ chuyên trách của các trung tâm y tế huyện, thành phố, 65 xã phường, thị trấn; đối tượng trực tiếp thu thập thông tin người khuyết tật thông qua phiếu điều tra là các cộng tác viên,

cán bộ y tế thôn. Kết quả thu thập được 5.945 phiếu, tổng số tiền công chi cho công tác điều tra của cộng tác viên là 59.450.000đồng (10.000đ/phiếu). Qua kiểm tra, không có danh sách ký nhận số tiền trên của các cộng tác viên mà được chi cho các đối tượng là cán bộ chuyên trách của 65 xã phường, thị trấn là không phù hợp.

- Đối với kinh phí tập huấn chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng:

Thực hiện Kế hoạch số 2177/KH-SYT ngày 25/6/2018 của Sở Y tế, bệnh viện xây dựng kế hoạch số 410/KH-BVYDCT ngày 30/7/2018 triển khai việc tập huấn Phục hồi chức năng cho cán bộ chuyên trách và cộng tác viên của các trung tâm y tế huyện, thành phố, 65 xã phường, thị trấn và xây dựng chi tiết kinh phí thực hiện.

Qua thanh tra cho thấy, đối với khoản chi tiền hỗ trợ xăng xe 2 đợt cho cộng tác viên các xã, phường trên địa bàn thành phố Phan Rang- Tháp Chàm số tiền 9.252.000 đồng là chưa đúng theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về chế độ công tác phí, chi hội nghị.

Đối với khoản chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho học viên tại các xã, theo kế hoạch chỉ chi hỗ trợ 100.000 đồng/người/đợt, nhưng bệnh viện đã chi 180.000 đồng/người, vượt 80.000 đồng/người, tổng số tiền chi vượt là 13.120.000 đồng (164 người) là chưa đúng theo kế hoạch đã xây dựng.

c) Đối với nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và thu khác:

Trong năm 2017, 2018 Bệnh viện thực hiện chi công tác phí khoán hàng tháng cho một số chức danh lãnh đạo của đơn vị số tiền 95.350.000 đồng (năm 2017: 41.400.000đ; năm 2018: 53.950.000đ) là chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 2255/2010/QĐ-UBND và Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

d) Đối với nguồn kinh phí cải cách tiền lương:

- Năm 2018: đối với nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 Thông tư số 67/2017/TT-BTC ngày 30/6/2017 của Bộ Tài chính thì 35% để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên số thu sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ, đơn vị phải trích lập số tiền 2.057.133.126 đồng (5.877.523.217đ*35%); tuy nhiên theo kết quả kiểm toán năm 2017, đơn vị được giảm nguồn cải cách tiền lương số tiền 97.140.838 đồng, số tiền này được giảm trừ trong năm 2018. Như vậy, số tiền đơn vị trích lập thực hiện cải cách tiền lương trong năm 2018 là 1.959.992.288 đồng.

- Đối với nguồn thu khác: Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 3 Thông tư số 67/2017/TT-BTC ngày 30/6/2017 của Bộ Tài chính thì đối với khoản thu khác đơn vị phải trích lập 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu từ các hoạt động trên sau khi loại trừ các chi phí liên quan và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định. Qua thanh tra, trong 2 năm

bệnh viện chỉ trích lập 35% là chưa đúng quy định, do đó phải trích bổ sung thêm 5% số tiền 1.299.966 đồng (25.999.320đ*5%).

đ) Trích lập và sử dụng các quỹ:

- Năm 2017, Bệnh viện thực hiện tốt việc trích lập các quỹ đúng theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ.

- Đối với quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP của Chính phủ thì "*đơn vị trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Riêng đối với các đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi dưới 01 lần Quỹ tiền lương ngạch bậc, chức vụ trong năm thì trích tối thiểu 15%*". Năm 2018 bệnh viện phải trích tối thiểu là 15% nhưng chỉ mới trích lập quỹ 10% là chưa đúng quy định, do đó phải trích lập bổ sung 5% số tiền là 97.997.715 đồng.

- Đối với quỹ phúc lợi: Bệnh viện xây dựng các khoản chi từ quỹ phúc lợi không có nội dung chi cho hội nghị, nhưng trong năm 2018 đơn vị đã chi cho CNVC dự hội nghị 02 đợt số tiền 10.050.000 đồng là chưa đúng theo quy chế đã xây dựng.

2. Đối với thực hiện quy trình, thủ tục mua sắm tài sản và kinh phí XDCB:

Bệnh viện thực hiện tốt thẩm quyền mua sắm tài sản theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về phân cấp quản lý tài sản công và đúng quy trình mua sắm theo quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính. Tài sản sau khi mua được bàn giao cụ thể cho các khoa phòng sử dụng và ghi tăng tài sản theo đúng quy định.

Năm 2017, UBND thành phố Phan Rang- Tháp Chàm ban hành 02 Quyết định bồi thường hỗ trợ tái định cư cho 14 hộ dân để giải phóng mặt bằng xây dựng Bệnh viện mới, số tiền 4.179.862.630 đồng. Tính đến thời điểm Đoàn thanh tra làm việc, tổng kinh phí đã cấp và chi trả cho các hộ dân là 4 tỷ đồng, số còn lại chưa cấp kinh phí để chi trả (còn nợ hộ ông Lê Nhị Độ số tiền 179.862.630 đồng).

Đối với các chi phí liên quan đến công tác khảo sát, lập dự án, đo đạc... tổng số tiền thanh toán cho các đơn vị thực hiện là 250 triệu đồng, Bệnh viện thực hiện đúng quy định về hóa đơn chứng từ.

C. KẾT LUẬN

Nhìn chung Bệnh viện thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân trong và ngoài tỉnh và đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý nguồn tài chính, phản ánh các nguồn kinh phí vào sổ kế toán đầy đủ, kịp thời, việc quyết toán nguồn kinh phí ngân sách và các nguồn thu rõ ràng, thực hiện đúng quy định của nhà nước về sử dụng và quyết toán các nguồn thu, mức thu giá dịch vụ khám chữa bệnh theo quy định; theo dõi nhập xuất kho thuốc, vật tư y tế, hạch toán vào chi phí hoạt động theo đúng nguyên tắc; công nợ

được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng khách hàng cụ thể; thực hiện công khai tài chính theo quy định, chứng từ lưu trữ đầy đủ, thuận tiện cho việc kiểm tra, kiểm soát.

Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng và thực hiện tương đối cụ thể, rõ ràng, thực hiện quy trình mua sắm tài sản, hàng hóa đúng theo quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC và đúng thẩm quyền của UBND tỉnh quy định về phân cấp mua sắm tài sản công; chấp hành tốt chế độ hóa đơn chứng từ.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được. Công tác quản lý các nguồn tài chính của Bệnh viện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

1. Đối với nguồn kinh phí ngân sách cấp

- Bệnh viện chi trả tiền công thống kê thu thập phiếu điều tra thông tin người khuyết tật năm 2018 số tiền 59.450.000 đồng cho cán bộ chuyên trách các trạm y tế xã, phường là chưa phù hợp với thực tế.

- Đối với kinh phí tập huấn chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng:

+ Bệnh viện chi hỗ trợ tiền xăng xe cho học viên các xã phường tập huấn trên địa bàn thành phố Phan Rang- Tháp Chàm số tiền 9.252.000 đồng là chưa đúng theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về chế độ công tác phí, chi hội nghị;

+ Đối với khoản chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho học viên tại các xã, theo kế hoạch chi hỗ trợ 100.000 đồng/người/đợt, nhưng bệnh viện đã chi vượt 80.000 đồng/người, tổng số tiền chi vượt là 13.120.000 đồng (164 người) là chưa đúng theo kế hoạch đã xây dựng.

Tuy nhiên, các cộng tác viên tham dự lớp tập huấn đều thuộc đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, do đó việc hỗ trợ một phần chi phí đi lại và ăn ở trong thời gian tập huấn, động viên tinh thần cộng tác viên để hoàn thành nhiệm vụ chung là phù hợp.

2. Đối với nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và thu khác:

Trong 2 năm, Bệnh viện thực hiện chi công tác phí khoán hàng tháng cho một số chức danh lãnh đạo của đơn vị số tiền 95.350.000 đồng là chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 2255/2010/QĐ-UBND và Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh về chế độ công tác phí.

3. Đối với nguồn cải cách tiền lương

Bệnh viện đã trích 35% từ nguồn thu khác để lập nguồn cải cách tiền lương trong 2 năm là chưa đúng theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 3 Thông tư số 67/2017/TT-BTC ngày 30/6/2017 của Bộ Tài chính. Do đó phải trích bổ sung thêm 5% số tiền 1.299.966 đồng.

4. Trích lập và sử dụng các quỹ:

- Đối với quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Năm 2018, bệnh viện trích lập quỹ 10% là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP của Chính phủ, do đó phải trích lập bổ sung 5% số tiền là 97.997.715 đồng.

- Đối với quỹ phúc lợi: Bệnh viện thực hiện chưa đúng nội dung chi từ nguồn quỹ phúc lợi theo quy chế đã xây dựng, số tiền 10.050.000 đồng.

5. Công tác quản lý tài chính, tài sản

a) Đối với việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

Bệnh viện có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm và thực hiện tương đối tốt quy chế đã xây dựng. Tuy nhiên có một số nội dung chưa quy định cụ thể trong quy chế như chế độ khoán công tác phí, chưa định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe đi công tác, định mức sử dụng vật tư văn phòng phẩm.

Đối với khoản chi hội nghị, đơn vị xây dựng mức chi chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh.

b) Đối với việc mua sắm tài sản và nguồn kinh phí đầu tư xây dựng bệnh viện mới:

- Bệnh viện thực hiện tốt thẩm quyền và quy trình mua sắm tài sản theo quy định. Tài sản, máy móc thiết bị sau khi nghiệm thu được đưa các khoa phòng khai thác và sử dụng có hiệu quả trong việc khám và điều trị bệnh cho người dân.

- Đối với nguồn kinh phí bồi thường hỗ trợ tái định cư cho 14 hộ dân để giải phóng mặt bằng xây dựng Bệnh viện mới, theo quyết định của UBND thành phố Phan Rang- Tháp Chàm ban hành năm 2017, đến nay còn nợ hộ ông Lê Nhị Độ số tiền 179.862.630 đồng.

- Đối với các chi phí liên quan đến công tác khảo sát, lập dự án, đo đạc..., Bệnh viện thực hiện đúng quy định về hóa đơn chứng từ.

D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

1) Xử lý về tài chính:

- Đề nghị bệnh viện trích bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu khác trong 2 năm 2017, 2018 số tiền 1.299.966 đồng;

- Đối với quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp năm 2018, đề nghị trích lập quỹ bổ sung 5% số tiền là 97.997.715 đồng;

- Kể từ năm 2019 trở đi, đề nghị bệnh viện thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh toán chế độ công tác phí khoán theo đúng quy định hiện hành và xây dựng cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ, không để tình trạng thanh toán công tác phí khoán theo các chức danh lãnh đạo như hiện nay;

- Đề nghị bệnh viện nghiêm túc kiểm điểm lãnh đạo và các cá nhân có liên quan để xảy ra sai sót trong việc thực hiện chứng từ thanh toán các khoản sau:

+ Chi trả tiền công thống kê thu thập phiếu điều tra thông tin người khuyết tật năm 2018, số tiền 59.450.000 đồng;

+ Chi công tác phí khoán hàng tháng cho một số chức danh lãnh đạo của bệnh viện trong 2 năm, số tiền 95.350.000 đồng;

+ Chi hội nghị viên chức vượt định mức năm 2018, số tiền 7.035.000 đồng.

- Đối với khoản chi hỗ trợ xăng xe và chi phí ăn ở của công tác viên tập huấn chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng năm 2018, số tiền 22.372.000 đồng, đề nghị bệnh viện rút kinh nghiệm trong công tác lập dự toán và quyết toán.

2) Xử lý khác:

- Đối với việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: Đề nghị bệnh viện bổ sung một số nội dung về tiêu chuẩn, định mức và xây dựng lại định mức một số khoản chi chưa phù hợp.

- Đối với việc trích lập các quỹ: Bệnh viện là đơn vị thực hiện cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ, do đó phải trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.

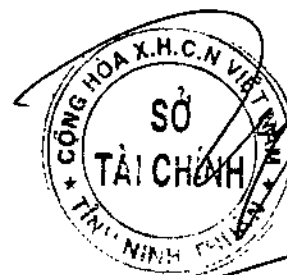
- Đối với nguồn kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng trụ sở bệnh viện mới, đề nghị bệnh viện tiếp tục đề xuất cấp có thẩm quyền kịp thời bố trí số tiền 179.862.630 đồng để chi trả cho hộ ông Lê Nhị Độ trong năm 2019.

*Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, đề nghị Bệnh viện thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) sau 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tài chính; (báo cáo)
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Y tế;
- BV Y dược cổ truyền tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, HSTT. ĐVT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hồ Trọng Luật